

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-7-2022
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-DS ngày 20/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐ-ST ngày 07/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ng**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Anh **Võ Vũ Đ**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp 19A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ng trình bày: Vào đầu năm 2019, chị Lê Thị Ng và anh Võ Vũ Đ tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2019. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Ng và anh Đ chỉ sống chung được vài tháng thì mâu thuẫn

quá trầm trọng nên đã không còn chung sống từ giữa năm 2019 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên chị Ng yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Chị Ng và anh Đ chung sống không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Vũ Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ng, cho chị Ng ly hôn với anh Võ Vũ Đ. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn chị Lê Thị Ng và bị đơn anh Võ Vũ Đ. Bị đơn anh Đ đang cư trú tại Ấp 19A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Vũ Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Ng và anh Võ Vũ Đ tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 08/01/2019 theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị Ng và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Ng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Ng và anh Đ chỉ sống chung được vài tháng thì mâu thuẫn quá trầm trọng nên đã

không còn chung sống từ giữa năm 2019 đến nay. Mặc khác, theo Biên bản xác minh ngày 16/6/2022, chính quyền địa phương xác định vợ chồng chị Ng và anh Đ chung sống tại địa phương được vài tháng thì phát mâu thuẫn và đã không còn chung sống, anh Đ biết việc chị Ng xin ly hôn nhưng do vợ chồng chung sống không có con chung nên anh Đ không có ý kiến gì. Bên cạnh đó, Theo Biên bản lấy lời khai của bà Võ Thị H ngày 16/6/2022, bà H là mẹ ruột anh Đ xác định vợ chồng anh Đ và chị Ng trước đây chung sống với bà nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên đã không còn chung sống, anh Đ và chị Ng chung sống không có con chung, không có tài sản chung và đã không còn chung sống đã lâu nên anh Đ không có ý kiến gì về việc chị Ng xin ly hôn. Như vậy, sự việc chị Ng và anh Đ chung sống và xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống từ giữa năm 2019 như chị Ng trình bày là đúng sự thật. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị Ng và anh Đ đã không còn chung sống từ giữa năm 2019 đến nay, do không thể hàn gắn nên chị Ng xin ly hôn còn anh Đ cũng không trình bày ý kiến, không thể hiện thiện chí hàn gắn tiếp tục chung sống nên có thể thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ng và anh Đ đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Ng được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[4] Nguyên đơn chị Lê Thị Ng xác định vợ chồng chung sống không có con chung, không có tài sản và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của chị Ng phù hợp với thông tin địa phương cung cấp và thông tin của bà Võ Thị H là mẹ anh Đ cung cấp về tình trạng hôn nhân, về con chung tài sản chung theo như Biên bản xác minh và Biên bản lấy lời khai cùng ngày 16/6/2022. Do đó, có cơ sở xác định chị Ng và anh Đ chung sống không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Ng là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ng đối với anh Võ Vũ Đ. Cho chị Lê Thị Ng được ly hôn anh Võ Vũ Đ.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Ng và anh Võ Vũ Đ không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Ng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004070 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt